

Bản án số: 161/2022/DS - PT

Ngày: 30/6/2022

V/v: “ Tranh chấp quyền sử dụng đất ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 4, ngày 29 và 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N1, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Dương Công L, sinh năm: 1983; Địa chỉ : 112, đường Tô Hiến Thành, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc E, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: khóm 5, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn : Ông Phan Hoàng Bì, sinh năm: 1959; Địa chỉ: đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hải V - Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị C, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: ông Dương Công L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 112, đường Tô Hiến Thành, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Bà Lê Thị S, sinh năm: 1950; địa chỉ: khóm 5, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Phan Hoàng Bi, sinh năm: 1959; Địa chỉ: đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Bà Nguyễn Hồng N2 (Thị Nhi), sinh năm: 1977; địa chỉ: khóm 4, phường TT, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2: Ông Phan Hoàng Bi, sinh năm: 1959; Địa chỉ: đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Ông Trương Văn U, sinh năm: 1978;

- Anh Trương Hữu T, sinh năm: 1998

- Chị Trương Xuân D2, sinh năm: 2005;

Cùng địa chỉ: khóm 4, phường TT, thành phố C, tỉnh C..

Người đại diện theo ủy quyền của Trương Văn U, Trương Hữu T : Chị Nguyễn Hồng N2 (Thị Nhi), sinh năm: 1977; Địa chỉ : khóm 4, phường TT, thành phố C, tỉnh C..

Người đại diện hợp pháp của Trương Xuân D2: Chị Nguyễn Hồng N2 (Thị Nhi), sinh năm: 1977; Địa chỉ : khóm 4, phường TT, thành phố C, tỉnh C..

- Anh Nguyễn Vũ Đức, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 31 Nguyễn Đình Thi, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D1: Ông Phan Hoàng Bi, sinh năm: 1959; Địa chỉ: đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Vũ Đức, bà Nguyễn Hồng N2, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Ngọc E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Dương Công L trình bày: Cha mẹ ông Nguyễn Minh N1 là cụ Nguyễn Văn Nhâm (chết năm 1970) và Phan Thị Trầm (chết 1983) không để lại di chúc. Quá trình chung sống tạo lập được 37.088,3m², trong đó đất vườn 6.362,9m², đất ruộng 30.725,4m².

Cụ Nhâm và cụ Trầm có 06 người con gồm : Nguyễn Thị Ê; Nguyễn Ngọc E; Nguyễn Thị Su; Nguyễn Thị Bình; Nguyễn Minh N1; Nguyễn Minh Đèo có tên khác Võ Văn Đèo, tên thường gọi Út Lanh.

Năm 1982 cụ Trầm có chia đất cho các con, không làm giấy tờ nhưng có sự chứng kiến của bà con lân cận. Chia cho 03 người con gái mỗi người 02 công đất ruộng; 03 người con trai mỗi người được một phần đất vườn mặt tiền ngang 12m, dài 125m tọa lạc tại khóm 5, phường Tân thành, thành phố Cà Mau và 03 công đất ruộng tại ấp 5, xã Tân thành, thành phố Cà Mau, phần còn lại là 18.725,4m² đất ruộng và 3.362,8m² đất vườn để lại cho ông Đèo. Sau khi được cho đất ông N1 cắt

nhà ở bằng cây lá địa phương và quản lý sử dụng đến năm 1987, 1988 thì đi nơi khác sinh sống do cuộc sống khó khăn. Khi gia đình ông N1 về Năm Căn sinh sống thì cho ông Nguyễn Ngọc E mượn đất canh tác. Đến năm 2017 ông E lấy một phần đất vườn của ông N1 cho con gái là Nguyễn Thị Nhi cất nhà ở cho đến nay. Năm 2019 ông N1 có nhu cầu sử dụng nên yêu cầu ông E trả lại phần đất mượn nhưng ông E không đồng ý và phát sinh tranh chấp. Khi tranh chấp thì ông Na mới phát hiện ông E đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009.

Nay ông N1 yêu cầu ông E trả lại phần đất vườn có diện tích $1.500m^2$ có chiều ngang 12m, dài 125m và buộc bà N2 tháo dỡ toàn bộ nhà và công trình kiến trúc xây dựng trên đất; và yêu cầu ông E trả phần đất ruộng 3 công ($3.000m^2$).

Bà Lê Thị S trình bày: Về họ tên cha mẹ và các anh em của ông N1 đúng như phía nguyên đơn trình bày. Còn về phần đất cho ông N1 thì trước đây mẹ chồng bà có cho ông N1 01 cái nền nhà ngang 4m, dài 112m, có cất nhà tạm ở và 3 công ruộng. Đến năm 1977 thì ông N1 về năm Căn làm ruộng nên để căn nhà này lại cho bà Trâm và sau này bà Trâm cho lại vợ chồng bà, việc cho chỉ nói miệng không làm giấy tờ gì. Nay phần đất này vợ chồng bà cho lại con là Nguyễn Thị Nhi cất nhà ở, nhưng việc cho chỉ nói miệng chưa làm giấy tờ. Còn 3 công ruộng thì ông N1 cõ cho ông Phan Văn Thi vào năm 1980, 01 công 09 gạ lúa. Năm 1983 ông Thi kêu ông N1 chuộc đất lại nhưng ông N1 không chuộc nên vợ chồng bà mới bỏ tiền ra chuộc lại và quản lý sử dụng cho đến nay. Vì vậy ông N1 yêu cầu vợ chồng bà trả đất lại thì bà không đồng ý.

Đối với bản vẽ đo đạc phần đất tranh chấp và chứng thư định giá tài sản phần đất tranh chấp bà thống nhất theo việc đo đạc và định giá tài sản nên không có yêu cầu gì về phần này.

Chị Nguyễn Hồng N2 trình bày: Phần đất chị đang ở được cha mẹ cho vào năm 1998, diện tích ngang 5m, dài 60m, việc cho chỉ nói miệng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông N1 yêu cầu chị tháo dỡ nhà trả đất chị không đồng ý.

Anh Nguyễn Vũ Đức trình bày: phần đất ông N1 tranh chấp với ông Nguyễn Ngọc E có dính vào khoảng 1m phần đất mà ông E và bà S cho anh vào năm 2000 với diện tích ngang 5m, dài khoảng 60m, việc cho đất chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ, hiện phần đất này vẫn còn đứng tên ông Nguyễn Ngọc E. Nay ông N1 yêu cầu ông E trả đất anh không đồng ý.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Ngọc E có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh N1 giá trị quyền sử

dụng đất có diện tích 1.490,7m² đất vườn và 3000m² đất nuôi trồng thủy sản với số tiền là 2.452.983.400đ.

Giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất ông Nguyễn Ngọc E đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất vườn theo đo đạc thực tế 1.490.7m² tọa lạc tại khóm 4, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau và phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản diện tích 3000m² tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 14/5/2021 – BL155, 157).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lỗi suất do chậm thi hành, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Vào các ngày 07 và 08 tháng 12 năm 2021 ông Nguyễn Ngọc E, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N1, giữ nguyên quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc E.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bi đại diện theo ủy quyền của ông E, bà S, chị N2, anh D1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nếu Hội đồng xét xử thấy vi phạm tố tụng, trường hợp không hủy án thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc E, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua xét hỏi, tranh luận của các đương sự, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc E, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2 Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc E được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho hộ gia đình, nên cần đưa tất cả thành viên hộ ông E vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thấy rằng phần diện tích đất tranh chấp hiện nay đã chuyển sang đứng tên ông E mà không còn là của hộ gia đình (đã điều chỉnh từ hộ sang cá nhân ông E vào ngày 15/6/2017 tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đồng thời đất này là do ông E trực tiếp quản lý, chưa làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con mà chỉ hứa bằng miệng, điều này được các đương sự Sậm, Nhi, Đức xác định tại phiên tòa, nên trong vụ án này chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của họ, do đó không cần thiết đưa họ vào tham gia tố tụng.

Đối với kháng cáo cho rằng án sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Thấy rằng trong vụ án này không phát sinh quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nên không cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy kháng cáo yêu cầu hủy án do vi phạm nghiêm trọng tố tụng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông E trả lại phần đất vườn 1.490,7m² và 3.000m² đất ruộng với giá trị bằng tiền là 2.452.983.400đ như án sơ thẩm đã tuyên buộc. Người đại diện cho những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng tố tụng, nếu không có căn cứ hủy bản án thì sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ tại hồ sơ mà nguyên đơn cung cấp và được án sơ thẩm sử dụng làm căn cứ để xem xét cho nguyên đơn là các tờ tường trình, xác nhận của anh em trong gia đình và hàng xóm bàn cận, kế cận, ngoài ra phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu giấy tờ chứng cứ nào khác chứng minh có việc nguyên đơn được bà Trầm tặng cho đất, cũng như không có giấy tờ tài liệu nào về việc nguyên đơn cho bị đơn là ông E mượn canh tác quản lý và sử dụng phần đất được mẹ tặng cho. Tuy nhiên, các tài liệu là tường trình và xác nhận mà nguyên đơn cung cấp cũng chỉ có giá trị tham khảo nhưng tất cả những người xác nhận này lại có văn bản thay đổi lời trình bày nên không có căn cứ xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới khác hơn các chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm.

Đối với phía bị đơn cho rằng có sự việc bà Trầm cho 3.000m² đất ruộng, còn phần đất vườn thì chỉ cho 01 nền nhà bề ngang 4m vào năm 1977 nhưng đến năm 1980 do nguyên đơn đi nơi khác sinh sống nên phần nền nhà giao trả lại bà Trầm, phần đất ruộng thì cầm cố cho cha anh Thi là ông Sánh. Sau đó phần nền nhà bà Trầm đã cho lại cháu nội là chị N2 cất nhà ở, riêng phần đất ruộng phía nguyên đơn không chuộc nên đến năm 1983 hết hạn cố đất thì ông E bỏ tiền ra chuộc lại và quản lý, canh tác. Từ khi chuộc đất lại thì ông E đã sử dụng liên tục ổn định không tranh chấp đến nay. Quá trình sử dụng đất, ông E là người thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, là người kê khai đăng ký mục kê, được cấp giấy tạm vào năm 1993, đến năm 2000, ông E được cấp giấy chính thức toàn bộ đất vườn 6.330m² và đất trồng lúa 28.500m² bao gồm cả phần đất tranh chấp ông N1 kiện đòi. Chứng cứ ông E cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 29/11/2000 theo quyết định số 2127 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cùng đứng tên hộ gia đình ông E, sau đó đến năm 2007 được chỉnh lý cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc E.

Như vậy, phần đất tranh chấp đã được ông E quản lý, sử dụng liên tục ổn định không tranh chấp trên 30 năm, ông E đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước, nộp thuế, kê khai đăng ký và được cấp giấy tạm từ năm 1993 là gần 30 năm và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức trên 20 năm. Mặc khác, trên phần đất vườn tranh chấp thì chị Nguyễn Hồng N2 đã cất nhà kiên cố từ năm 1998 đến nay là hơn 20 năm nhưng phía ông N1 cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì. Đối với phần đất ruộng, sau khi chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản thì phía ông E đã trực tiếp canh tác sử dụng và đầu tư, cải tạo, sên vét, làm bờ, xây dựng công trình làm cống sỏ tôm, trồng nhiều cây ăn trái nhưng phía ông N1 cũng không tranh chấp, không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn cũng không lý giải được lý do vì sao ông N1 không thực hiện quyền của người sử dụng đất là kê khai đăng ký và yêu cầu Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông N1 trong khi phía ông E là người kê khai đăng ký quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận thì ông N1 cũng không yêu cầu hay có ý kiến phản đối. Ông N1 cho rằng phần đất tranh chấp là của mẹ ông cho sau đó ông cho ông E mượn sử dụng nhưng không có chứng cứ tài liệu chứng minh, ông E không thừa nhận có mượn đất của ông N1. Thực tế ông N1 đã bỏ đất đi và cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong suốt thời gian dài trên 40 năm.

[3] Tại Điều 236 Bộ luật dân sự quy định tài sản của người chiếm hữu ngay tình, liên tục, công khai 30 năm đối với tài sản là bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu. Khoản 7 Điều 237 Bộ luật dân

sự cũng xác định căn cứ chấm dứt quyền sở hữu là từ thời điểm tài sản được xác lập quyền sở hữu cho người khác.

[4] Như vậy, đối chiếu với các quy định nêu trên thì trường hợp ông N1 là chủ đất cũ mà không kê khai, không đứng tên trong sổ đăng ký đất hoặc sổ địa chính, không thực hiện quyền quản lý, sử dụng của chủ sử dụng đất; Còn người đang sử dụng đất là ông E đã kê khai, đăng ký đứng tên trong sổ bộ ruộng đất hoặc sổ địa chính, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có căn cứ pháp luật, thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 1987, năm 1993, năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan. Vì vậy, chủ đất cũ là ông N1 không thể đòi lại quyền sử dụng đất đó.

[5] Từ nhận định trên nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, kháng cáo của ông E là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S, chị Nguyễn Hồng N2, anh Nguyễn Vũ Đức, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N1.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí phúc thẩm, chi phí thẩm định, các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 236, 237 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc E, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2021/DS - ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N1 yêu cầu yêu cầu khởi kiện buộc ông E trả lại phần đất vườn 1.490,7m² và 3.000m² đất nuôi trồng thủy sản với giá trị bằng tiền là 2.452.983.400 đồng.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh N1 phải chịu là tổng số tiền 18.684.000đ (trong đó tiền đo đạc thẩm định 13.684.000đ, tiền định giá 5.000.000đ), ông N1 đã thanh toán xong.

Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc E không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Minh N1 không phải chịu án phí do ngày 11/01/2021 ông Nguyễn Minh N1 có đơn xin được miễn dự nộp và được xét chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc E, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2 không phải chịu, ông E đã được miễn dự nộp, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Vũ Đức, chị Nguyễn Hồng N2 đã dự nộp mỗi người 300.000 đồng tại các biên lai thu số 0000709, 0000710 cùng ngày 07/12/2021 và biên lai thu 0000716 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Châu Minh Hoàng